TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 333/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 05- 2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Phó;

Ông Nguyễn Bền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đông, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Bà Trần Ngọc Hà- Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/04/2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/QĐHPT-DS ngày 28/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Mỹ N**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp T, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Cao Duy K,** sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp T, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

(Chị N có mặt; anh K vắng mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 17/01/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Trương Mỹ N trình bày: Chị và anh Cao Duy K chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng vào năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng thời giang đầu sống hạnh phúc. Đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do anh K thường xuyên uống rượu về gây

gỗ, không có quan tâm lo cho gia đình và cũng từ năm 2014 vợ chồng sống ly thân luôn cho đến nay, vợ chồng vẫn ở chung một nhà nhưng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, Chị N yêu cầu tòa án cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Có một con chung tên Cao Gia P - sinh ngày 05/11/14. Hiện nay cháu đang sống chung với vợ chồng chị, khi ly hôn Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

***** Bị đơn là anh Cao Duy K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

* Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của Chị N là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị N, cho Chị N được ly hôn anh K; Về con chung, giao con chung tên Cao Gia P - sinh ngày 05/11/2014 Chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị N không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn là anh Cao Duy K đã được tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử, quyết định xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Mỹ N và anh Cao Duy K xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là hôn nhân hợp pháp. Nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của Chị N là có cơ sở, bởi tại phiên tòa Chị N trình bày, vợ chồng chị hiện vẫn còn sống chung một nhà nhưng không còn

quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đồng thời anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh K đã được Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật, nhưng không phản đối yêu cầu khởi kiện của Chị N và cũng không có thể hiện được biện pháp nào để hàng gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho Chị N được ly hôn với anh K là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có một con chung tên Cao Gia P - sinh ngày 05/11/14. Hiện nay con chung đang sống chung với vợ chồng anh chị. Khi ly hôn Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu nuôi con của Chị N là có cơ sở. Bởi vì, từ khi anh chị sống ly thân đến nay, Chị N là người trực tiếp chăm sóc con chung, mặt khác cháu P có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy cần giao cháu P cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng và cũng theo nguyện vọng của con là phụ hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị N không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp vơi nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Mỹ N .

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Mỹ N với anh Cao Duy K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Cao Gia P - sinh ngày 05/11/14 cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con, do Chị N không yêu cầu.

Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Trần Mỹ Ngọc phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai thu số 0003997 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy Chị N đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trịnh Phan Minh Trâm